TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 14-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Trắc Â, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Nguyễn Sơn, xã Nhơn Hoà Lập, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975 và bà Lương Thị H, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp Đình, xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu, ý kiến của nguyên đơn ông Võ Trắc Â trình bày:

Tôi là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp có bán phân thuốc cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Lương Thị H từ năm 2023. Quá trình mua bán thì ông T bà H có trả tiền phân thuốc phân thuốc nhưng không đủ, cụ thể ông T và bà H có trả 52.500.000đ tiền lãi chậm trả cho tôi qua chuyển khoản. Sau đó vợ chồng ông T và bà H có làm giấy nợ cho tôi với số tiền nợ là 302.500.000đ vào ngày 30/8/2024, hẹn lại mấy ngày sẽ trả nhưng không thực hiện. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả số tiền phân thuốc còn nợ là 302.500.000đ và tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nhà nước là 1.5%/tháng từ ngày 31/8/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tôi thừa nhận có nhận của bà H số tiền 52.500.000đ qua chuyển khoản ngày 7/12/2023 nên tôi đồng ý cấn trừ một phần vào gốc và một phần vào lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà H và ông T thừa nhận còn nợ ông A tiền phân thuốc là 302.500.000đ từ tháng 20/8/2023 nhưng đã trả 52.500.000đ bằng chuyển khoản cho ông A vào ngày 07/12/2023 nên ông T và bà H chỉ đồng ý trả 250.000.000đ tiền gốc và không đồng ý trả lãi. Do hoàn gia cảnh đình khó khăn nên vợ chồng ông T và bà H xin trả dần mỗi năm trả 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án: Ông A yêu cầu ông T và bà H phải trả tiền nợ vật tư nông nghiệp 302.500.000đ và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/8/2024 cho đến khi xét xử với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng. Và đồng ý cấn trừ số tiền 52.500.000đ đã nhận từ bà H ngày 07/12/2023 một phần vào gốc và một phần vào lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Chứng cứ ông A cung cấp bản chính là "Giấy nợ" ngày 30/8/2024 có chữ ký của của bà Lương Thị H. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp là 302.500.000đ từ 20/8/2023 đến này 30/8/2024 mới ký giấy nợ cho nguyên đơn với lãi chậm trả thỏa thuận là 1.5%/

tháng. Quá trình mua bán vật tư nông nghiệp bà H có chuyển khoản cho ông A số tiền 52.500.000đ tiền nợ gốc nên bà H và ông T chỉ còn nợ ông A là 250.000.000đ. Ông A thừa nhận có nhận số tiền này, do bà H còn nợ tiền vật tư nông nghiệp từ tháng 8/2023 cho đến nay nên ông A đồng ý cấn trừ vào tiền lãi chậm trả từ ngày 31/8/2023 đến ngày 07/12/2023 là 03 tháng (làm tròn tháng) cho đến nay với mức lãi suất theo quy định là 0.83%/tháng còn lại là khấu trừ vào phần gốc là 302.500.000đ còn bao nhiêu thì tính lãi với mức lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng. Ông T và bà H chỉ đồng ý trả nợ gốc là 250.000.000đ và không đồng ý trả lãi. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn thì bị đơn có nợ tiền vật tư nông nghiệp của nguyên đơn là 302.500.000đ từ tháng 08/2023 cho đến khi ký giấy nợ ngày 31/8/2024 có thỏa thuận lãi chậm trả là theo mức là 1.5%. Nguyên đơn thừa nhận có nhận 52.500.000đ do bị đơn trả nhưng nguyên đơn, bị đơn không thống nhất đây là tiền gốc hay tiền lãi. Tuy nhiên bị đơn thừa nhận mình đồng ý lãi chậm trả khi thỏa thuận với nguyên đơn nhưng hiện tại không đồng ý trả lãi do kinh tế khó khăn. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

- Số tiền mua phân thuốc là 302.500.000đ nên lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 31/8/2023 đến ngày 07/12/2024 là 03 tháng (làm tròn), mức lãi suất là 0.83%/tháng khấu trừ vào 52.500.000đ bị đơn đã trả cho nguyên đơn:

- 302.500.000đ x 0.83%/tháng x 03 tháng= 7.532.205đ.

- 52.500.000đ - 7.532.205đ = 44.967.795đ

Nợ gốc còn lại là 257.532.205đ; lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 31/8/2024 đến ngày 14/3/2025 là 03 tháng (làm tròn), mức lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng: 257.532.205 x 1.5%/tháng x 06tháng= 23.177.898đ

Tổng cộng: 280.710.103đ.

[3] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông Võ Trắc Â không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Lương Thị H có nộp đơn xin miễn án phí với nội dung là ông bà là con ông Nguyễn Ngọc Cẩn được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong thời kỳ chống Mỹ. Tuy nhiên, theo quy định của điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chỉ *"....Thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt..."* mới được miễn án phí. Do đó, buộc các bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Lương Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 16.583.750đ nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Lương Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Trắc Â số tiền nợ gốc và lãi khi phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản là 280.710.103 (Hai trăm tám mươi triệu bảy trăm mười nghìn một trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.035.505đ (Mười bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm lẻ năm đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn ông Võ Trắc Â không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.675.000đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00004098 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Thành Trung – Nguyễn Châu Kim Ngân	**Nguyễn Thị Kim Hương**